

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý I/2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 121 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 50 sinh viên vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K51 2009- 2013	K53 2011 - 2015	K54 2012 - 2016	K55 2013 - 2017	K56 2014 - 2018	Cộng
1	Công nghệ chế biến thủy sản	-	-	-	02	02	04
2	Công nghệ kỹ thuật hóa học	-	-	-	01	03	04
3	Công nghệ sau thu hoạch	-	-	-	-	04	04
4	Công nghệ thực phẩm	-	-	-	-	05	05
5	Công nghệ chế tạo máy	-	01	-	-	02	03
6	Kỹ thuật cơ điện tử	-	-	-	02	03	05
7	Kỹ thuật cơ khí	-	-	-	-	06	06
8	Kỹ thuật nhiệt	-	-	-	-	01	01
9	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	-	01	02	05	08
10	Kỹ thuật môi trường	-	-	-	01	02	03
11	Công nghệ sinh học	-	-	01	03	02	06
12	Công nghệ thông tin	-	-	-	01	04	05
13	Hệ thống thông tin quản lý	-	-	-	01	02	03
14	Kế toán	-	-	-	02	09	11
15	Khoa học hàng hải	-	-	-	-	01	01
16	Kỹ thuật ô tô	-	-	-	-	07	07

(Chữ ký)

TT	Ngành tốt nghiệp	K51 2009- 2013	K53 2011 - 2015	K54 2012 - 2016	K55 2013 - 2017	K56 2014 - 2018	Cộng
17	Kỹ thuật tàu thủy	-	-	01	-	-	01
18	Kinh doanh thương mại	01	-	-	-	06	07
19	Kinh tế	-	-	-	-	02	02
20	Quản trị kinh doanh	-	-	-	02	01	03
21	Kỹ thuật xây dựng	-	-	-	-	09	09
22	Ngôn ngữ Anh	-	-	01	-	-	01
23	Nuôi trồng thủy sản	-	-	-	04	05	09
24	Quản lý nguồn lợi thủy sản	-	-	-	-	02	02
25	Quản lý thủy sản	-	-	-	01	03	04
26	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	-	-	03	04	07

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K52 2010 - 2013	K53 2011 - 2014	K54 2012 - 2015	K55 2013 - 2016	K56 2014 - 2017	K57 2015 - 2018	Cộng
1	Công nghệ thực phẩm	-	01	-	-	01	06	08
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	-	01	-	-	04	05
3	Công nghệ kỹ thuật môi trường	-	-	-	01	-	01	02
4	Công nghệ sinh học	-	-	-	-	01	-	01
5	Công nghệ kỹ thuật ô tô	-	-	-	-	-	01	01
6	Công nghệ thông tin	01	01	-	-	-	02	04
7	Kế toán	-	-	-	02	01	07	10
8	Kinh doanh thương mại	-	-	-	-	-	06	06
9	Quản trị kinh doanh	-	-	-	02	-	03	05
10	Nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-	02	-	02
11	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	-	-	-	02	04	06

Điều 2. Trường phòng, khoa, viện liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Sĩ Trung

**DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ I NĂM 2019**

Theo Quyết định số 196/QĐ-ĐHNT ngày 26/02/2019

Loại hình đào tạo: Đại học chính quy

1. Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55130091	Nguyễn Ngô Thanh	Bình	Nam	03/03/1995	Khánh Hoà	Trung bình	55.CBTS	2013-2017
2	55131868	Phạm Thị	Thùy	Nữ	18/02/1995	Thái Bình	Khá	55.CBTS	2013-2017
3	56131517	Nguyễn Nhật	Phương	Nữ	03/06/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.CBTS	2014-2018
4	56135155	Nguyễn Quốc	Thịnh	Nam	28/04/1996	Khánh Hoà	Khá	56.CBTS	2014-2018

Danh sách có 04 sinh viên

2. Công nghệ kỹ thuật hóa học

TT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55133480	Lê Đức	Minh	Nam	19/05/1995	Khánh Hoà	Trung bình	55.CNHH	2013-2017
2	56132360	Hồ Thị Cẩm	Duyên	Nữ	30/09/1996	Khánh Hoà	Khá	56.CNHH	2014-2018
3	56130711	Dương Văn	Hiền	Nam	28/04/1995	Phú Yên	Khá	56.CNHH	2014-2018
4	56136159	Lê Trung	Tín	Nam	27/12/1996	Phú Yên	Khá	56.CNHH	2014-2018

Danh sách có 04 sinh viên

3. Công nghệ sau thu hoạch

TT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56137047	Trương Quốc	Hiệp	Nam	01/01/1996	Quảng Nam	Khá	56.STH	2014-2018
2	56132698	Đặng Thị Thiên	Phương	Nữ	18/05/1996	Khánh Hoà	Khá	56.STH	2014-2018
3	56135166	Nguyễn Hòa	Thành	Nam	15/11/1996	Đà Nẵng	Khá	56.STH	2014-2018
4	56132375	Phan Thị Thùy	Trang	Nữ	18/10/1995	Khánh Hoà	Khá	56.STH	2014-2018

Danh sách có 04 sinh viên

4. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56136319	Đinh Thị Thu	Lệ	Nữ	31/01/1996	Khánh Hoà	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
2	56131562	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	18/11/1996	Khánh Hoà	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
3	56131207	Phạm Như	Quyên	Nam	29/03/1996	Khánh Hoà	Khá	56.CNTP-2	2014-2018
4	56132470	Huỳnh Chiêm	Trọng	Nam	25/04/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.CNTP-3	2014-2018
5	56130781	Nguyễn Quốc	Tuấn	Nam	16/12/1996	Đắk Lắk	Trung bình	56.CNTP-3	2014-2018

Danh sách có 05 sinh viên

5. Công nghệ chế tạo máy

TT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	53132037	Nguyễn Tuấn	Vinh	Nam	07/03/1993	Khánh Hòa	Trung bình	53.CTM	2011-2015
2	56136168	Trương Thanh	Quy	Nam	13/04/1995	Quảng Ngãi	Khá	56.CTM	2014-2018
3	56137033	Nguyễn Thành	Trung	Nam	08/10/1996	Lâm Đồng	Trung bình	56.CTM	2014-2018

Danh sách có 03 sinh viên



6. Kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55134123	Nguyễn Ngọc Đuyn	Nam	15/06/1995	Quảng Ngãi	Trung bình	55.CDT	2013-2017
2	55131559	Đào Văn Tài	Nam	19/03/1995	Bắc Ninh	Trung bình	55.CDT	2013-2017
3	56136444	Từ Xuân Hoàng	Nam	07/11/1994	Khánh Hoà	Trung bình	56.CDT	2014-2018
4	56130144	Nguyễn Giai Anh Kiệt	Nam	04/08/1996	Quảng Trị	Khá	56.CDT	2014-2018
5	56130052	Trương Khắc Tú	Nam	28/04/1996	Thanh Hoá	Khá	56.CDT	2014-2018

Danh sách có 05 sinh viên

7. Kỹ thuật cơ khí

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56130216	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	10/10/1996	Quảng Ngãi	Trung bình	56.KTCK	2014-2018
2	56131945	Nguyễn Minh Khánh	Nam	28/11/1996	Khánh Hoà	Khá	56.KTCK	2014-2018
3	56130509	Nguyễn Văn Lĩnh	Nam	08/12/1996	Phú Yên	Trung bình	56.KTCK	2014-2018
4	56130015	Nguyễn Văn Nhật Tân	Nam	06/11/1996	Đà Nẵng	Trung bình	56.KTCK	2014-2018
5	56131988	Lê Châu Thanh	Nam	20/04/1996	Khánh Hoà	Khá	56.KTCK	2014-2018
6	56130252	Nguyễn Hữu Tường	Nam	05/09/1996	Bắc Giang	Trung bình	56.KTCK	2014-2018

Danh sách có 06 sinh viên

8. Kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56136446	Nguyễn Thành Tài	Nam	30/11/1996	Đà Nẵng	Trung bình	56.CNNL	2014-2018

Danh sách có 01 sinh viên

9. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

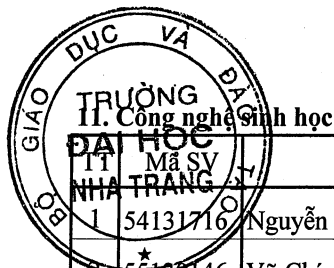
TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	52131702	Nguyễn Thái Hoàng	Nam	11/11/1992	Đắk Nông	Trung bình	54.DDT	2012-2016
2	55132353	Võ Hữu Vinh	Nam	12/08/1995	Khánh Hoà	Trung bình	55.DDT-1	2013-2017
3	55131656	Mã Duy Thành	Nam	09/02/1994	Ninh Thuận	Trung bình	55.DDT-2	2013-2017
4	56131890	Võ Ngọc Bình	Nam	05/10/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.DDT	2014-2018
5	56135033	Phan Tấn Phát	Nam	18/11/1996	Quảng Bình	Khá	56.DDT	2014-2018
6	56131007	Nguyễn Thành Phê	Nam	30/06/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.DDT	2014-2018
7	56131685	Huỳnh Quyết Tiến	Nam	21/06/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.DDT	2014-2018
8	56132054	Nguyễn Đức Toàn	Nam	13/10/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.DDT	2014-2018

Danh sách có 08 sinh viên

10. Kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55130243	Phạm Trần Bảo Duy	Nam	09/08/1995	Khánh Hoà	Trung bình	55.CNMT-1	2013-2017
2	56131925	Dương Văn Mạnh	Nam	26/06/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.CNMT-1	2014-2018
3	56131926	Bồ Thị Mỹ Ngọc	Nữ	10/02/1996	Khánh Hoà	Khá	56.CNMT-1	2014-2018

Danh sách có 03 sinh viên



TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54131716	Nguyễn Thảo Uyên Uy	Nữ	09/04/1994	Bình Định	Khá	54.CNSH	2012-2016
2	55130146	Võ Chí Công	Nam	24/01/1995	Quảng Ngãi	Trung bình	55.CNSH-1	2013-2017
3	55130568	Trần Thanh Hiếu	Nam	30/01/1995	Lâm Đồng	Trung bình	55.CNSH-1	2013-2017
4	55130905	Nguyễn Thị Nhật Linh	Nữ	26/11/1995	Đà Nẵng	Trung bình	55.CNSH-1	2013-2017
5	56130776	Phan Thị Thu Thảo	Nữ	10/03/1996	Phú Yên	Khá	56.CNSH-2	2014-2018
6	56131640	Huỳnh Thị Kim Thoa	Nữ	27/12/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.CNSH-2	2014-2018

Danh sách có 06 sinh viên

12. Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55131653	Lê Ngọc Thành	Nam	26/06/1995	Đắk Lắk	Khá	55.CNTT-2	2013-2017
2	56131550	Trần Quốc Anh	Nam	04/05/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.CNTT-1	2014-2018
3	56132312	Đỗ Tấn Khải	Nam	25/01/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.CNTT-1	2014-2018
4	56133022	Phạm Thị Ngọc Nhi	Nữ	19/11/1996	Khánh Hoà	Khá	56.CNTT-1	2014-2018
5	56132046	Huỳnh Thanh Thắng	Nam	05/05/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.CNTT-2	2014-2018

Danh sách có 05 sinh viên

13. Hệ thống thông tin quản lý

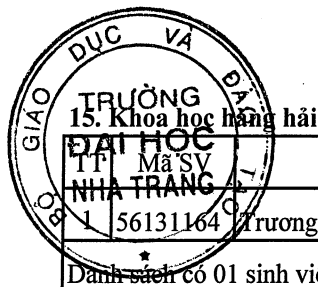
TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55133377	Nguyễn Duy Thông	Nam	20/02/1994	Khánh Hoà	Trung bình	55.TTQL	2013-2017
2	56132327	Trần Thu Hiền	Nữ	04/12/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.TTQL	2014-2018
3	56136666	Nguyễn Kỳ Duy Lâm	Nam	24/05/1996	Gia Lai	Trung bình	56.TTQL	2014-2018

Danh sách có 03 sinh viên

14. Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55131139	Ngô Thị Ngọc	Nữ	18/04/1994	Nghệ An	Trung bình	55.KT-3	2013-2017
2	55131386	Nguyễn Thị Hoài Phương	Nữ	26/02/1995	Thái Bình	Khá	55.KT-3	2013-2017
3	56136031	Giang Ngọc Ánh	Nữ	03/10/1995	Thái Bình	Trung bình	56.KT-1	2014-2018
4	56131019	Lê Thị Thu Hòa	Nữ	18/06/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.KT-1	2014-2018
5	56131153	Trần Thị Thanh Hòa	Nữ	09/11/1996	Khánh Hoà	Khá	56.KT-1	2014-2018
6	56131117	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	09/09/1996	Khánh Hoà	Khá	56.KT-1	2014-2018
7	56130320	Huỳnh Thị Tuyết Oanh	Nữ	18/04/1996	Bình Định	Giỏi	56.KT-2	2014-2018
8	56131127	Lê Thị Phượng	Nữ	21/03/1996	Thanh Hóa	Khá	56.KT-2	2014-2018
9	56131475	Đào Mai Ngọc Thịnh	Nam	01/05/1996	Khánh Hoà	Khá	56.KT-2	2014-2018
10	56131179	Vũ Minh Tuyển	Nữ	13/12/1996	Khánh Hoà	Khá	56.KT-3	2014-2018
11	56131340	Phan Lê Thanh Vân	Nữ	01/01/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.KT-3	2014-2018

Danh sách có 11 sinh viên



TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56131164	Trương Huỳnh Tuyên	Nam	06/07/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.KHHH	2014-2018

Danh sách có 01 sinh viên

16. Kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56130689	Y Chung	Nam	12/06/1995	Phú Yên	Khá	56.CNOT-1	2014-2018
2	56136143	Nguyễn Tùng Dương	Nam	21/11/1996	Thái Nguyên	Khá	56.CNOT-1	2014-2018
3	56131033	Đinh Bảo Duy	Nam	11/11/1996	Khánh Hoà	Khá	56.CNOT-1	2014-2018
4	56133012	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	28/06/1995	Ninh Bình	Trung bình	56.CNOT-2	2014-2018
5	56136123	Nguyễn Anh Khoa	Nam	25/09/1995	Khánh Hoà	Trung bình	56.CNOT-2	2014-2018
6	56136608	Thiều Văn Linh	Nam	07/02/1996	Bình Thuận	Khá	56.CNOT-2	2014-2018
7	55135085	Nguyễn Hữu Thành	Nam	03/08/1995	Hà Nội	Trung bình	56.CNOT-2	2014-2018

Danh sách có 07 sinh viên

17. Kỹ thuật tàu thủy

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54130297	Văn Minh Giáp	Nam	10/05/1994	Khánh Hoà	Khá	54.KTTT	2012-2016

Danh sách có 01 sinh viên

18. Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	51130547	Nguyễn Quang Hải	Nam	29/10/1991	Khánh Hòa	Trung bình	51KTTM	2009-2013
2	56130885	Nguyễn Thị Vi Linh	Nữ	24/04/1995	Khánh Hoà	Khá	56.KDTM-1	2014-2018
3	56132507	Nguyễn Quốc Trí	Nam	20/10/1996	Đắc Lắc	Khá	56.KDTM-1	2014-2018
4	56132269	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	17/01/1995	Khánh Hoà	Khá	56.KDTM-2	2014-2018
5	56132419	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	13/03/1996	Khánh Hoà	Khá	56.KDTM-2	2014-2018
6	56131978	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	14/11/1996	Khánh Hoà	Khá	56.KDTM-2	2014-2018
7	56131331	Nguyễn Khải Tuyên	Nam	07/10/1996	Khánh Hoà	Khá	56.KDTM-2	2014-2018

Danh sách có 07 sinh viên

19. Kinh tế

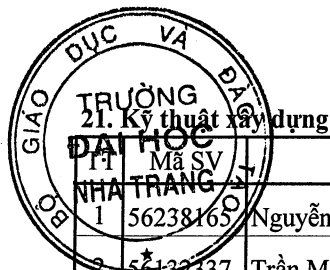
TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56132370	Phan Thị Mỹ Kim	Nữ	01/10/1996	Ninh Thuận	Trung bình	56.KTNN	2014-2018
2	56137095	Nguyễn Thị Hà Vy	Nữ	12/06/1996	Phú Yên	Khá	56.KTNN	2014-2018

Danh sách có 02 sinh viên

20. Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55133527	Nguyễn Bá Thịnh	Nam	02/02/1994	Nghệ An	Khá	55.QTKD-1	2013-2017
2	55133362	Lại Ngọc Thu Thảo	Nữ	20/12/1995	Khánh Hoà	Khá	55.QTKD-2	2013-2017
3	56131826	Nguyễn Lê Đông Uyên	Nữ	20/11/1996	Khánh Hoà	Khá	56.QTKD-2	2014-2018

Danh sách có 03 sinh viên



TT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56238165	Nguyễn Ngọc	Hải	Nam	11/06/1996	Nghệ An	Trung bình	56.CNXD	2014-2018
2	56132337	Trần Minh	Hiếu	Nam	05/05/1996	Khánh Hoà	Khá	56.CNXD	2014-2018
3	56136179	Nguyễn Việt	Hiệu	Nam	13/02/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.CNXD	2014-2018
4	56135208	Nguyễn Khắc	Học	Nam	15/11/1996	Nghệ An	Trung bình	56.CNXD	2014-2018
5	56132403	Nguyễn Gia	Huy	Nam	25/09/1996	Phú Yên	Trung bình	56.CNXD	2014-2018
6	56133027	Vũ Hoàng Anh	Kiệt	Nam	29/10/1995	Khánh Hoà	Khá	56.CNXD	2014-2018
7	56131133	Ngô Minh	Tấn	Nam	14/02/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.CNXD	2014-2018
8	56131755	Phan Minh	Tấn	Nam	10/05/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.CNXD	2014-2018
9	56135037	Nguyễn Minh	Thắng	Nam	05/12/1996	Khánh Hoà	Khá	56.CNXD	2014-2018

Danh sách có 09 sinh viên

22. Ngôn ngữ Anh

TT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54131186	Đỗ Thành	Son	Nam	02/10/1994	Khánh Hoà	Trung bình	54.NNA-4	2012-2016

Danh sách có 01 sinh viên

23. Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55130680	Nguyễn Quang	Huân	Nam	24/10/1995	Khánh Hoà	Khá	55.NTTS-1	2013-2017
2	55132461	Hồ Thị Khánh	An	Nữ	05/10/1995	Khánh Hoà	Khá	55.NTTS-2	2013-2017
3	55132462	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	10/01/1995	Bình Định	Khá	55.NTTS-2	2013-2017
4	55132954	Đặng Phi	Công	Nam	29/03/1995	Phú Yên	Khá	55.NTTS-2	2013-2017
5	56132205	Trần Thị	Duyên	Nữ	24/01/1996	Ninh Bình	Khá	56.NTTS-1	2014-2018
6	56131958	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	10/11/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56.NTTS-1	2014-2018
7	56136503	Quảng Đại Thiên	Tần	Nam	20/12/1994	Ninh Thuận	Trung bình	56.NTTS-2	2014-2018
8	56132120	Bá Kỳ	Viện	Nam	10/12/1996	Ninh Thuận	Trung bình	56.NTTS-2	2014-2018
9	56135179	Trương Nguyễn Anh	Vũ	Nam	10/07/1996	Ninh Thuận	Trung bình	56.NTTS-2	2014-2018

Danh sách có 09 sinh viên

24. Quản lý nguồn lợi thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56132140	Vũ Thuận	An	Nam	15/08/1995	Kiên Giang	Khá	56.QLNL	2014-2018
2	56137084	Nguyễn Hữu	Tài	Nam	20/02/1996	Bình Thuận	Khá	56.QLNL	2014-2018

Danh sách có 02 sinh viên

25. Quản lý thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55132573	Trịnh Thị Kim	Ly	Nữ	09/07/1995	Khánh Hoà	Trung bình	55.QLTS	2013-2017
2	56136018	Nguyễn Thị Khánh	Hà	Nữ	31/05/1996	Khánh Hoà	Khá	56.QLTS	2014-2018
3	56132556	Lê Nguyễn Mỹ	Hào	Nữ	22/12/1996	Khánh Hoà	Khá	56.QLTS	2014-2018
4	55133087	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	02/10/1994	Khánh Hoà	Trung bình	56.QLTS	2014-2018

Danh sách có 04 sinh viên



TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55130503	Khồ Lê Phương Hiền	Nữ	17/07/1995	Khánh Hoà	Khá	55.QTDL-1	2013-2017
2	55133241	Phạm Văn Hưng	Nam	23/07/1995	Khánh Hoà	Khá	55.QTDL-1	2013-2017
3	55132297	Ngô Bích Vân	Nữ	18/03/1995	Khánh Hoà	Trung bình	55.QTDL-2	2013-2017
4	56131878	Phạm Thị Kim Hoa	Nữ	11/05/1996	Khánh Hoà	Khá	56.QTDL-1	2014-2018
5	56131659	Đặng Thị Huệ	Nữ	10/02/1996	Hà Nội	Khá	56.QTDL-1	2014-2018
6	56131231	Nguyễn Chánh Hoàng Long	Nam	28/08/1996	Khánh Hoà	Khá	56.QTDL-1	2014-2018
7	56131455	Nguyễn Khoa Thanh An	Nữ	18/01/1996	Khánh Hoà	Khá	56.QTDLP	2014-2018

Danh sách có 07 sinh viên

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ I NĂM 2019

Theo Quyết định số 196 /QĐ-ĐHNT ngày 26/02/2019

Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

1. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	53161082	Trần Đoàn Nhật Tân	Nam	16/03/1993	Khánh Hòa	Khá	53C.CNTP-2	2011-2014
2	56160778	Lê Tấn Lực	Nam	05/12/1996	Phú Yên	Khá	56C.CNTP-2	2014-2017
3	57160031	Trương Thị Tâm	Nữ	10/12/1997	Quảng Ngãi	Trung bình	57C.CNTP-1	2015-2018
4	57160876	Trần Thị Cẩm Thu	Nữ	28/09/1997	Khánh Hòa	Khá	57C.CNTP-1	2015-2018
5	57160325	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	19/03/1997	Khánh Hòa	Khá	57C.CNTP-2	2015-2018
6	57160900	Nguyễn Thị Huyền Trâm	Nữ	12/06/1997	Khánh Hòa	Trung bình	57C.CNTP-2	2015-2018
7	57160308	Dương Văn Trình	Nam	28/02/1997	Khánh Hòa	Trung bình	57C.CNTP-2	2015-2018
8	57160519	Ngô Lê Tuyết Trinh	Nữ	15/08/1997	Khánh Hòa	Trung bình	57C.CNTP-2	2015-2018

Danh sách có 08 sinh viên

2. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

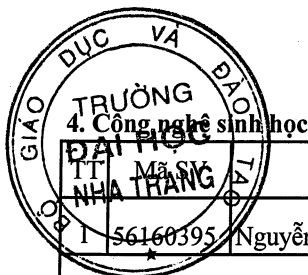
TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54160622	Phạm Ngọc Sang	Nam	16/10/1993	Khánh Hoà	Trung bình	54C.DDT	2012-2015
2	57160105	Lê Nguyên An	Nam	13/11/1996	Phú Yên	Trung bình	57C.DDT	2015-2018
3	57160205	Trần Huỳnh Đức	Nam	19/10/1997	Đắk Lắk	Trung bình	57C.DDT	2015-2018
4	56161163	Nguyễn Đình Viên	Nam	14/08/1996	Phú Yên	Khá	57C.DDT	2015-2018
5	57160926	Lãnh Đức Thịnh Vượng	Nam	16/09/1997	Ninh Thuận	Trung bình	57C.DDT	2015-2018

Danh sách có 05 sinh viên

3. Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55162500	Trần Thư Thanh Tuyền	Nữ	06/11/1995	Ninh Thuận	Trung bình	55C.CNMT	2013-2016
2	57160113	Võ Thị Phụng	Nữ	01/01/1997	Phú Yên	Khá	57C.CNMT	2015-2018

Danh sách có 02 sinh viên



4. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56160395	Nguyễn Quốc Việt	Nam	24/08/1996	Bình Định	Trung bình	56C.CNSH	2014-2017

Danh sách có 01 sinh viên

5. Công nghệ kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57160372	Huỳnh Vĩnh An	Nam	17/10/1997	Khánh Hòa	Trung bình	57C.CNOT	2015-2018

Danh sách có 01 sinh viên

6. Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	52160737	Nguyễn Thanh Hòa	Nam	24/08/1991	Khánh Hòa	Khá	CTH52	2010-2013
2	53161387	Huỳnh Kiều Xuân Trường	Nam	15/01/1993	Khánh Hòa	Khá	53C.CNTT	2011-2014
3	57160591	Nguyễn Thị Cẩm Thạch	Nữ	24/07/1997	Khánh Hòa	Khá	57C.CNTT	2015-2018
4	57160866	Nguyễn Đình Thiện	Nam	16/12/1996	Khánh Hòa	Khá	57C.CNTT	2015-2018

Danh sách có 04 sinh viên

7. Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55161511	Nguyễn Thị Anh	Nữ	25/12/1995	Đắk Lắk	Khá	55C.KT-1	2013-2016
2	55163050	Đặng Hồng Thủy	Nữ	25/03/1995	Khánh Hoà	Trung bình	55C.KT-2	2013-2016
3	56162117	Nguyễn Thị Thạch Thảo	Nữ	27/05/1996	Khánh Hoà	Khá	56C.KT-2	2014-2017
4	57160773	Trần Tiểu Giang	Nữ	10/10/1997	Khánh Hòa	Khá	57C.KT-1	2015-2018
5	57160793	Thái Hồng Ni	Nữ	20/03/1997	Khánh Hòa	Trung bình	57C.KT-2	2015-2018
6	57160770	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	Nữ	29/10/1997	Khánh Hòa	Khá	57C.KT-2	2015-2018
7	57160320	Huỳnh Thị Thảo Sương	Nữ	08/12/1997	Khánh Hòa	Khá	57C.KT-2	2015-2018
8	57160428	Nguyễn Ngọc Minh Thơ	Nữ	10/06/1997	Khánh Hòa	Khá	57C.KT-2	2015-2018
9	57160734	Phạm Quang Minh Trí	Nam	29/10/1997	Khánh Hòa	Trung bình	57C.KT-2	2015-2018
10	57160149	Huỳnh Kim Yến	Nữ	12/12/1997	Phú Yên	Trung bình	57C.KT-2	2015-2018

Danh sách có 10 sinh viên

8. Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57160101	Nguyễn Thị Diễm	Nữ	07/07/1997	Phú Yên	Khá	57C.KDTM	2015-2018
2	57160420	Dương Thị Uyên Hoàng	Nữ	07/02/1997	Quảng Ngãi	Trung bình	57C.KDTM	2015-2018
3	57160613	Lê Thị Như Phụng	Nữ	29/01/1997	Khánh Hòa	Trung bình	57C.KDTM	2015-2018
4	57160542	Nguyễn Quốc Sang	Nam	30/10/1997	Khánh Hòa	Trung bình	57C.KDTM	2015-2018
5	57160404	Nguyễn Thế Vương	Nam	10/04/1997	Khánh Hòa	Trung bình	57C.KDTM	2015-2018
6	57160224	Nguyễn Thị Khánh Vy	Nữ	05/01/1997	Đắk Lắk	Trung bình	57C.KDTM	2015-2018

Danh sách có 06 sinh viên



TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55160104	Phan Thị Cẩm	Nữ	12/01/1995	Khánh Hoà	Trung bình	55C.QTKD-1	2013-2016
2	55163162	Lê Thị Diệu Tú	Nữ	20/05/1995	Khánh Hoà	Trung bình	55C.QTKD-1	2013-2016
3	57160656	Trương Thị Trâm Anh	Nữ	14/09/1997	Khánh Hòa	Trung bình	57C.QTKD-1	2015-2018
4	57160654	Nguyễn Thị Hồng Liêm	Nữ	03/09/1997	Khánh Hòa	Trung bình	57C.QTKD-1	2015-2018
5	57160704	Nguyễn Thu Thảo	Nữ	30/10/1997	Khánh Hòa	Trung bình	57C.QTKD-2	2015-2018

Danh sách có 05 sinh viên

10. Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56161817	Nguyễn Thành Thông	Nam	11/04/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56C.NTTS	2014-2017
2	56163149	Nguyễn Văn Vinh	Nam	08/08/1995	Ninh Thuận	Trung bình	56C.NTTS	2014-2017

Danh sách có 02 sinh viên

11. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56161857	Hoàng Xuân Bách	Nam	21/07/1996	Khánh Hoà	Trung bình	56C.QTDL-1	2014-2017
2	56163466	Nguyễn Thúy Kim Ngân	Nữ	20/11/1995	Khánh Hoà	Khá	56C.QTDL-1	2014-2017
3	57160427	Trần Nguyễn Kỳ Duyên	Nữ	16/05/1997	Khánh Hòa	Khá	57C.QTDL-1	2015-2018
4	57160038	Nguyễn Thị Nguyệt Sang	Nữ	02/10/1997	Bình Định	Khá	57C.QTDL-2	2015-2018
5	57160106	Dương Ngọc Tâm	Nam	08/03/1997	Phú Yên	Trung bình	57C.QTDL-2	2015-2018
6	57160501	Bì Thu Thủy	Nữ	26/01/1996	Hà Tây	Khá	57C.QTDL-2	2015-2018

Danh sách có 06 sinh viên

Handwritten signature